TỪ VỰNG TUẦN 15-16.1.2022

TOPIC: WHAT IS THE MATTER WITH YOU?

VOCABULARY

- Matter (n) vấn đề
- Pain (n) sự đau đớn
- Have a pain in …… Có sự đau đớn về ….

+ Have a pain in back: Có sự đau đớn ở lưng

+ Have a pain in stomach: Có sự đau đớn ở dạ dày

- Fever (n) sốt
- Eyes: mắt – sore eyes: đau mắt
- Head (n) đầu – a headache: đau đầu
- Throat (n) họng – A sore throat: đau họng
- Back (n) lưng – A backache: đau lưng
- Tooth (n) 1 cái rang – A toothache: đau rang
- Stomach (n) dạ dày – A stomach ache: đau dạ dày
- Ear (n) tai – Earache: đau tai

SHOULD/SHOULDN'T

- Should + Động từ nguyên thể: Nên làm gì
- Shouldn't + Động từ nguyên thể: không nên làm gì
- Stay in bed: ở trên giường
- Go to the doctor: đi đến bác sĩ
- Brush my teeth: đánh răng
- Do morning exercise: tập thể dục buổi sáng
- Eat chocolate/ sweets/cake: ăn sô-cô-la/ kẹo/ bánh
- Drink water: uống nước

GRAMMAR:

1. What is the matter with you?

⇨ I have + bệnh

2. What is the matter with her/him?

⇨ She/He has+ bệnh

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

LIVEWORKSHEETS

Ex1: Fill in blanks:

1. sự đau đớn
2. Có sự đau đớn ở dạ dày
3. Mắt
4. Tai
5. Đầu
6. Lưng
7. Họng
8. Răng
9. Nên
10. Không nên
11. Ở trên giường
12. Đi đến bác sỹ
13. Đánh rang
14. Ăn bánh
15. Tập thể dục
16. Uống nước

Ex2:

1. What is the matter with you?



2. What is the matter with her?



3. What is the matter with him?



LIVEWORKSHEETS

4. What is the matter with him?



5. What is the matter with her?



EX3: Write should or shouldn't:

1. I have a pain in my tooth. I have a toothache.

You _____ go to the doctor.

You _____ eat lots of sweets.

2. She has a pain in her throat. She has a sore throat.

She _____ drink cold water.

EX3: Dịch đoạn văn sau:



_____

_____

LIVEWORKSHEETS